

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA THƯ VIỆN TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

ĐINH THÚY QUỲNH, PHẠM PHƯƠNG LIÊN

## Tóm tắt

Đào tạo theo tín chỉ là phương thức đặt việc dạy và học vào đúng với bản chất của nó, đó là đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình đào tạo. Người học được rèn thói quen tự học, tự khám phá kiến thức, có kỹ năng giải quyết vấn đề, tự chủ động thời gian hoàn thành một môn học, một chương trình đào tạo, khắc phục được việc học thụ động, thiếu tư duy phê phán. Với chức năng là nơi sưu tầm, xử lý, lưu trữ và phổ biến thông tin, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin có chất lượng phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường, thư viện đã và đang đóng một vai trò không nhỏ trong việc hỗ trợ công tác dạy và học của người dạy, người học. Bài viết giới thiệu, so sánh những đặc điểm cơ bản của đào tạo theo học chế tín chỉ; phân tích vai trò của thư viện trong việc quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa vai trò này của hệ thống thư viện đại học.

**Từ khóa:** Thư viện, đào tạo tín chỉ

## Abstract

Credit-based training is the way to put teaching and learning into its essence, which is to place learners at the center of the training process. Learners learn how to exercise the habit of self-learning, self-discovery of knowledge, skills of problem solving, self-initiative in completing a subject, a training program, overcoming passive learning and lack of critical thinking. With the function of collecting, processing, storing and disseminating information, providing quality products and services of information which serve the training of the university, the library has been playing an important role in supporting the teaching and learning activities of teachers and learners. The article introduces and compares the basic characteristics of training under credit system; analyzing the role of the library in the credit-based training process and proposing solutions to strengthen this role of the university library system.

**Keywords:** Library, credit-base training

## Đặt vấn đề

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đã khẳng định: "Đổi mới giáo dục đại học là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước" (7). Trong những năm gần đây, đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới giáo dục đại học nói riêng, đã và đang được Đảng, Nhà nước cũng như các cấp lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Một trong những sự đổi mới không thể

không kể đến chính là đổi mới mô hình đào tạo: chuyển từ đào tạo theo hình thức niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Điều này đã được thể hiện trong Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 của Chính phủ: "Xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ" (7). Với phương châm đổi mới giáo dục đại học này, không thể phủ nhận phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ là một phương thức đào

tạo được hầu hết các nước tiên tiến trên thế giới áp dụng, bởi đây là phương thức đào tạo theo triết lý "Tôn trọng người học, xem người học làm trung tâm của quá trình đào tạo". Phương thức đào tạo chuyển đổi làm ảnh hưởng tới vai trò và chức năng của nhiều thành tố trong hệ thống giáo dục đại học trong đó có thư viện.

## **1. Khái quát về đào tạo theo học chế tín chỉ**

### **1.1. Những điểm khác biệt cơ bản giữa đào tạo theo niên chế và theo học chế tín chỉ**

- *Mục tiêu đào tạo*: Nếu như đào tạo theo niên chế có xu hướng đào tạo mang tính hàn lâm và chuyên sâu, mong muốn cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao và các phẩm chất cần thiết thì đào tạo theo học chế tín chỉ lại thiên về việc đào tạo nguồn nhân lực có năng lực và tính thích nghi cao, khả năng học tập suốt đời trên cơ sở phát huy tính tự chủ của người học, đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa trong liên thông đào tạo và sử dụng lao động. Mục tiêu của đào tạo theo học chế tín chỉ hướng đến bốn trụ cột giáo dục mà UNESCO đã đề ra năm 1996 đó là: Học để biết, Học để làm, Học để chung sống, Học để khẳng định mình.

- *Chương trình đào tạo*: Chương trình đào tạo theo niên chế được thiết kế theo cấu trúc môn học và theo mục tiêu đào tạo của ngành, các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo, cho cùng một đầu ra và chủ yếu dựa trên năng lực của đội ngũ giảng viên. Số lượng các môn học tự chọn khá hạn chế. Chương trình học tập được tính theo đơn vị học trình (thông thường là 192 đơn vị học trình) và khối lượng học tập tính theo năm học (2 học kỳ/năm). Chương trình đào tạo cứng nhắc, sinh viên khó chuyển ngành học, chuyển trường hoặc học song song các ngành đào tạo khác. Còn chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ được thiết kế theo cấu trúc module và đáp ứng khả năng liên thông, lắp ghép giữa các ngành, các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của nhóm ngành đào tạo và có

thể có hơn một đầu ra. Số lượng các môn học tự chọn được tăng lên đáng kể nhằm đảm bảo tính liên thông giữa các trường và ngành học tương tự. Các môn học được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu xã hội và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa trong sử dụng lao động. Chương trình học tập được tính theo tín chỉ (thông thường từ 125 - 132 tín chỉ) và khối lượng học tập tính trên thời lượng làm việc của sinh viên trong 1 học kỳ/năm học, mỗi năm có từ 2-3 học kỳ; chương trình đào tạo mềm dẻo, sinh viên được chuyển ngành, chuyển trường phù hợp sở trường, sở đoản trên cơ sở các ngành/trường đáp ứng các yêu cầu về liên thông.

- *Phương pháp giảng dạy và học tập*: Phương pháp giảng dạy và học tập trong đào tạo theo niên chế ít nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của người học bởi tiến độ và chương trình học tập được xây dựng chung cho tất cả sinh viên. Thời gian học tập chủ yếu được thực hiện trên lớp với phương pháp chủ yếu là nghe giảng - ghi chép một cách thụ động, ít có sự tương tác với giảng viên, ít có cơ hội phát triển các kỹ năng mềm. Bên cạnh đó, sinh viên mỗi lớp, mỗi ngành học các lớp riêng nên phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng không yêu cầu đến tính đa dạng các ngành học. Ngược lại, đào tạo theo tín chỉ lại đặt nặng yêu cầu lấy người học làm trung tâm. Mỗi sinh viên có thể tự xây dựng một tiến độ học tập riêng cho mình. Sinh viên chủ động lựa chọn môn học thích hợp với khả năng cho từng học kỳ. Thời gian học tập được thực hiện cả trên lớp và tự học, tự nghiên cứu ở nhà. Phương pháp giảng dạy thông thường là tương tác, trao đổi. Chính vì vậy, đòi hỏi sinh viên cần phải đọc tài liệu trước khi lên lớp. Thông qua các buổi trao đổi, thảo luận, thuyết trình,... sinh viên được rèn luyện các kỹ năng mềm. Do đặc điểm sinh viên nhiều ngành có thể học chung một lớp môn học nên khi giảng dạy giảng viên phải sử dụng phương pháp đảm bảo tính đa dạng của ngành học.

- *Phương pháp đánh giá:* Kết quả học tập của sinh viên đào tạo theo niên chế được đánh giá theo năm học. Sinh viên phải thi đạt tất cả các môn học quy định trong năm học đó. Nếu không đạt, sinh viên sẽ phải thi lại hoặc có thể lưu ban. Điểm của sinh viên được đánh giá trên thang điểm 10 (hoặc 100) và điểm thi hết môn chiếm tỷ lệ rất cao (chiếm 70-100% điểm môn học). Sinh viên cần phải trải qua một kỳ thi tốt nghiệp với các môn thi điều kiện và bắt buộc, do đó chỉ được xét tốt nghiệp 01 lần/năm học. Đối với đào tạo theo tín chỉ, kết quả học tập được đánh giá theo tổng số tín chỉ đã tích lũy. Sinh viên cần đạt đủ số tín chỉ và điểm trung bình chung tích lũy quy định trong cả khóa. Nếu không đạt yêu cầu về điểm trung bình bình chung tích lũy, sinh viên sẽ bị cảnh cáo hoặc buộc thôi học. Điểm của sinh viên được đánh giá chủ yếu là thang điểm 4, trong đó chú trọng đến đánh giá quá trình (chiếm cỡ 50% điểm môn học). Để xét tốt nghiệp đầu ra, sinh viên không phải tham gia thi tốt nghiệp mà chỉ cần tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và một năm sinh viên được xét tốt nghiệp 03 lần.

- *Hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học:* Nếu trong đào tạo theo niên chế, sinh viên được quản lý và sinh hoạt chủ yếu theo lớp hành chính, theo khoa; hồ sơ học tập được quản lý chung theo lớp hành chính; người đóng vai trò hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên chủ yếu bởi giảng viên chủ nhiệm thì trong đào tạo theo tín chỉ, sinh viên được quản lý học tập theo lớp môn học, được khuyến khích tham gia các sinh hoạt chung của khoa, trường; hồ sơ học tập sinh viên mang tính cá thể nên được quản lý riêng; sinh viên được tư vấn, hỗ trợ bởi cố vấn học tập.

### **1.2. Những ưu điểm của đào tạo theo học chế tín chỉ**

Đào tạo theo tín chỉ là phương thức đặt việc dạy và học vào đúng với bản chất của nó, đó là đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình đào tạo. Từ những so sánh với đào tạo theo niên chế đã nêu ở trên, đào tạo theo

học chế tín chỉ đã nổi bật lên với những ưu điểm sau:

- *Phát huy tính tự chủ của sinh viên.* Nếu như ở phương thức đào tạo theo niên chế, sinh viên phải học theo một chương trình cố định do nhà trường sắp xếp và cùng học theo một tiến độ chung thì ở phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên có thể chọn lựa môn học thích hợp với sở thích, khả năng trong số các môn học tự chọn. Sinh viên có thể chủ động về thời gian, bố trí việc hoàn thành chương trình theo năng lực và điều kiện của mình. Và nếu như sinh viên có khả năng học vượt và tích lũy được đủ số tín chỉ và điểm trung bình chung theo yêu cầu của nhà trường thì sẽ được tốt nghiệp sớm hơn so với đào tạo niên chế.

- *Xây dựng chương trình học đáp ứng khả năng liên thông, liên kết.* Với chương trình học được thiết kế theo cấu trúc mô đun đã đáp ứng khả năng liên thông, lắp ghép giữa các ngành. Trong cùng một khoảng thời gian, sinh viên có thể học song song 2 chương trình. Sinh viên có thể chuyển đổi chuyên ngành mình đang theo học một cách khá dễ dàng mà không phải học lại từ đầu. Nếu biết sắp xếp những tín chỉ giống nhau giữa hai ngành một cách hợp lý, sinh viên có thể hoàn toàn tốt nghiệp được hai chương trình học trong cùng một thời gian giảm đáng kể so với hình thức đào tạo theo niên chế. Đồng thời, phương thức đào tạo tín chỉ còn tạo điều kiện cho việc chuyển đổi sinh viên giữa các trường trong nước và trên thế giới, rất thuận lợi trong các chương trình đào tạo liên kết.

- *Phương pháp giảng dạy tích cực.* Nếu như ở phương thức đào tạo theo niên chế, giảng viên thường sử dụng phương pháp giảng dạy sao cho sinh viên làm việc chủ yếu ở trên lớp và không phải quan tâm nhiều đến tính đa dạng của các ngành học thì ở phương thức đào tạo theo tín chỉ lại ngược lại, giảng viên sẽ phải vận dụng các phương pháp giáo dục sao cho sinh viên phải sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.

Đồng thời, giảng viên cũng phải lưu tâm tới tính đa dạng về ngành học vì trong cùng một lớp môn học sẽ có sinh viên từ nhiều ngành học khác nhau cùng đăng ký học.

- *Phương pháp học tập mang tính chủ động.*  
Do những thay đổi trong phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nên hình thức học của sinh viên cũng có nhiều thay đổi. Với việc quy định số tiết tự nghiên cứu ngoài thời gian lên lớp, đòi hỏi sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn, phải chủ động tiếp cận tài liệu của các môn học dưới sự hướng dẫn của của giảng viên. Điều này giúp sinh viên phát huy tối đa năng lực tự nghiên cứu cũng như nâng cao ý thức học tập của mình. Bên cạnh đó, ở hầu hết các môn học, sinh viên phải làm các bài tập nhóm, tham gia các buổi thảo luận, thuyết trình về các đề tài khác nhau cũng giúp sinh viên rèn luyện được các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình,... và tự tin hơn khi làm việc trước đám đông.

Như vậy, đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo đem lại hiệu quả giáo dục cao, tạo tính mềm dẻo, khả năng thích ứng cũng như tạo ra những hiệu quả cao về quản lý, giảm giá thành đào tạo. Sinh viên được rèn thói quen tự học, tự khám phá kiến thức, có kỹ năng giải quyết vấn đề, tự chủ động thời gian hoàn thành một môn học, một chương trình đào tạo, khắc phục được việc học thụ động, thiếu tư duy phê phán.

## **2. Thư viện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ**

Thư viện là một bộ phận hợp thành trường đại học, là nhân tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo và nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là đào tạo theo học chế tín chỉ. Điều này đã được thể hiện trong Quyết định số 31/2001/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 30/7/2001 về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ. Theo quyết định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra 05 yêu cầu các trường đại học cần phải có khi triển khai

đào tạo theo tín chỉ, trong đó điều kiện thứ 5 là: "Có đủ sách tham khảo, tài liệu học tập" (2).

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 4/3/2014 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo, thư viện đã trở thành một trong những tiêu chí đánh giá thẩm định chất lượng giáo dục của trường đại học: "*Điều 12. Tiêu chuẩn 9.1: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả*" (4). Điều đó khẳng định rằng, bên cạnh chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất,... thư viện cũng là một yếu tố căn bản và quan trọng, là thước đo đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học.

Vậy thư viện đóng vai trò như thế nào trong công tác đào tạo theo học chế tín chỉ của trường đại học?

### **2.1. Thư viện tạo môi trường tích cực cho việc tự học và tự nghiên cứu, kích thích sự chủ động của người học**

Với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, nguồn học liệu luôn có vị trí quan trọng. Nó có thể ảnh hưởng đến sự thành công của việc áp dụng phương thức đào tạo này. Nguồn học liệu phong phú, đa dạng sẽ không chỉ giúp cho giảng viên chuẩn bị và cập nhật bài giảng được đầy đủ mà còn giúp cho sinh viên có thể tiếp cận, khai thác thông tin một cách tối ưu. Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ là dạy cho người học cách tìm kiếm, xử lý và tự tích lũy kiến thức dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của người thầy, nghĩa là đòi hỏi người học phải tăng cường tự học, tự nghiên cứu. Do đó, khi giảng dạy một môn học mới, giảng viên luôn chú trọng việc cung cấp danh mục nguồn học liệu bắt buộc hay đọc thêm về môn học để sinh viên tham khảo. Sinh viên muốn học tốt thì cần phải tự tìm hiểu và nghiên cứu các nguồn học liệu đó. Chính vì vậy, họ luôn cần



có thư viện, luôn có nhu cầu sử dụng thư viện. Thư viện là môi trường lý tưởng giúp sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu học tập, tham khảo một cách hiệu quả nhất. Thư viện là nơi cung cấp các tài liệu đã được chọn lọc phù hợp với chương trình đào tạo, là không gian học tập yên tĩnh, nghiêm túc và là nơi tư vấn thông tin giúp cho sinh viên có thể tự học và tự nghiên cứu.

## **2.2. Thư viện góp phần đổi mới phương pháp dạy - học**

Phương pháp dạy và học mới đòi hỏi một số điều kiện tiên quyết cho phép người học "phát huy nội lực" và người dạy "dạy cách phát huy nội lực". Phương pháp dạy - học mới sẽ rút ngắn thời gian giảng dạy lý thuyết trên cơ sở sinh viên được cung cấp nguồn thông tin dồi dào trước khi lên lớp, tăng thời gian tự học của sinh viên với sự trợ giúp của thư viện.

Thay vì lên lớp giảng giải, trình bày các bài giảng đã soạn sẵn một cách đơn điệu, giảng viên sẽ nêu ra vấn đề cùng với các nguồn học liệu tham khảo phong phú sẵn có tại thư viện để hướng dẫn sinh viên tự sưu tầm, tự tìm hiểu, nghiên cứu. Trên cơ sở các thông tin sinh viên thu thập được, giảng viên sẽ cùng sinh viên trao đổi, thảo luận và tìm ra lời giải. Vai trò của giảng viên ở đây chỉ là người hướng dẫn, người trọng tài đánh giá hoạt động tiếp nhận tri thức một cách sáng tạo của sinh viên. Mặt khác, để chuẩn bị cho hướng dẫn về "nguồn học liệu", giảng viên cũng là những người sử dụng thư viện. Các nhu cầu xuất phát từ việc nâng cao trình độ và chất lượng giảng dạy của giảng viên có thể được đáp ứng nhờ việc sử dụng tài liệu và thông tin của thư viện.

Về phía người học, sinh viên phải chủ động đến thư viện tìm kiếm tài liệu tham khảo liên quan đến các vấn đề đặt ra trong bài học, chứ không chỉ thụ động học qua các bài giảng, giáo trình do giáo viên cung cấp. Từ nhiều nguồn tài liệu, nguồn thông tin khác nhau, sinh viên sẽ phải làm công việc chọn lựa, phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp những thông

tin tri thức này để đưa ra nhận xét cũng như kết luận riêng của mình. Việc sử dụng thư viện sẽ tạo lập cho sinh viên những phẩm chất học tập độc lập, có khả năng lý giải các thông tin và biến chúng thành những kiến thức tự có của mình. Thông qua việc học, sinh viên phản hồi những kiến thức thu nhận được. Những hiểu biết mới sẽ đề xuất những vấn đề mới để sinh viên lại tiếp tục tìm hiểu.

Việc đào tạo theo học chế tín chỉ chỉ thực sự có chất lượng khi hoạt động học tập của sinh viên được thực hiện trong cả bốn môi trường: lớp học, thư viện, cơ sở thực nghiệm và môi trường thực tế. Trong đó, thư viện có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện tính độc lập, sáng tạo của sinh viên. Sinh viên phải học một cách tư duy hơn, chủ động hơn qua việc phân tích, tổng luận những tài liệu tra tìm được ở thư viện. Từ đó sẽ xóa bỏ lối học thụ động, khuyến khích việc tự học, tự nghiên cứu, kích thích sự chủ động của sinh viên.

## **2.3. Thư viện góp phần làm thay đổi phương pháp đánh giá người học**

Nếu như trước đây, với phương thức đào tạo mang tính thụ động, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chủ yếu dựa trên điểm số bài kiểm tra cuối khóa, thì hiện nay, sự thay đổi phương pháp giảng dạy và học tập, cùng với việc cung cấp nguồn tài liệu tham khảo đa dạng và phong phú của thư viện giúp giảng viên có thể đánh giá sinh viên suốt cả quá trình học thông qua phần trao đổi, thảo luận, đóng góp ý kiến trên lớp và các kết quả nghiên cứu, tìm hiểu... của sinh viên trong mỗi buổi học. Bài thi cuối khóa cũng chỉ là một bài kiểm tra nhỏ với số điểm chiếm một tỷ lệ không quá lớn trong tổng số điểm đánh giá một sinh viên. Kết quả cuối cùng được tính trên tổng điểm cả bài thi cuối khóa và cả các bài tập sinh viên làm trên lớp trong mỗi buổi học. Với cách tính như vậy, giảng viên có thể đánh giá đúng thực lực của sinh viên, tránh được tình trạng học vẹt, "học tài thi phận" đã tồn tại từ lâu trong sinh viên.

### **3. Giải pháp phát huy vai trò của thư viện trong việc nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ**

Có thể nhận thấy, thư viện chính là “người đồng hành” cùng quá trình học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên. Để phát huy tốt hơn nữa vai trò của thư viện trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo đại học đáp ứng sự chuẩn hóa và hội nhập quốc tế, các thư viện đại học cần có sự thay đổi toàn diện trên mọi bình diện từ phương thức tiếp cận người dùng tin, nội dung hoạt động, phương thức quản lý... Trước sự thay đổi mạnh mẽ và toàn diện ấy, trên bình diện cá nhân, tác giả xin đề xuất một số giải pháp mang tính đồng bộ và hiệu quả đối với hệ thống thư viện đại học hiện nay.

#### **3.1. *Đổi mới các phương thức tiếp cận người sử dụng***

Phương thức tiếp cận người sử dụng của thư viện trước đây thường mang tính thụ động. Thư viện nằm ở một địa chỉ, người đọc, người sử dụng muốn tìm kiếm thông tin phải tới trụ sở thư viện để sử dụng các dịch vụ thư viện. Điều này dường như không còn phù hợp trong bối cảnh mọi hoạt động xã hội đều đang thay đổi chóng mặt bởi sự gia tăng của các thiết bị điện tử và công nghệ thông minh. Có thể nhận thấy giới trẻ Việt Nam, đặc biệt là các bạn sinh viên, là những người tiếp cận với công nghệ online từ khá sớm, nên hoạt động của các sinh viên cũng có sự thay đổi trong đó bao hàm cả hoạt động đọc. Thay vì đến thư viện, các bạn sẽ chọn sử dụng các nguồn tin online chưa được đánh giá về tính tin cậy và chính xác khiến cho quá trình học tập trở nên bị nhiễu và giảm tính khoa học. Để phát huy vai trò to lớn của mình trong việc nâng cao chất lượng học tập theo học chế tín chỉ, thư viện cần thay đổi phương thức tiếp cận người sử dụng từ thụ động sang chủ động. Điều đó có nghĩa là thay vì ở trong một trụ sở to lớn, nhiều bàn ghế đọc tại chỗ, thư viện cần chủ động cung cấp thông tin, tài liệu ở mọi nơi,

24/7 và đảm bảo tính tin cậy, độ chính xác cao nhất của thông tin được cung cấp. Không gian đọc cần được thiết kế theo hướng mở, thân thiện và hiện đại, chú trọng tới các dịch vụ tư vấn cho người dùng mà không cần chạy theo thành tích về số lượng thẻ đọc/mượn. Thư viện cũng là nơi tổ chức các nhóm học và học trực tuyến cho sinh viên.

#### **3.2. *Tăng cường nguồn học liệu và nguồn học liệu mở***

Học liệu, đặc biệt là học liệu mở, là một nhân tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ bởi nó không chỉ cung cấp kiến thức và còn góp phần rèn luyện các kỹ năng khác nhau cho người học. Các nguồn học liệu mở hiện có trong thư viện hiện nay khá phong phú về dạng, loại và đều là nguồn học liệu thân thiện, dễ sử dụng, bao gồm cả học liệu cơ bản và học liệu nâng cao. Tăng cường nguồn học liệu/nguồn học liệu mở giúp quá trình đào tạo trở nên chủ động hơn, tăng cường khả năng sáng tạo cho sinh viên và phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên đồng thời giúp thư viện linh hoạt hơn trong việc triển khai các dịch vụ đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của sinh viên. Nguồn học liệu mở cũng giúp giảng viên và sinh viên có sự kết nối chặt chẽ và dễ dàng chia sẻ tri thức, giải quyết các học phần học trực tuyến, điều này rất cần thiết trong bối cảnh cần sự liên thông giữa các trường và ngành học. Với cách thức truyền tải đa dạng, các nguồn học liệu mở giúp sinh viên có thêm nhiều kinh nghiệm trong việc thích ứng với sự phát triển của xã hội, bởi sinh viên không chỉ học trong các tài liệu cứng mà có thể tiếp cận với kiến thức qua video, hoạt động tương tác, các dạng tài liệu đa phương tiện. Bên cạnh những ưu điểm đó, học liệu mở còn là một xu thế tất yếu khi việc học tập trở thành học tập suốt đời của mỗi cá nhân và của toàn xã hội hướng tới việc xây dựng một xã hội học tập.

### **3.3. Quản trị và khai thác có hiệu quả các nguồn lực**

Thư viện đại học là nút kết nối giữa các nguồn tin và nhu cầu tin của sinh viên. Hiện nay, sinh viên đang đứng trước những thách thức thời đại bởi xã hội thông tin đang sản xuất ra khối lượng thông tin lớn với tốc độ vô cùng nhanh chóng dẫn tới sự khủng hoảng của các thiết bị mang tin, sự phân tán thông tin rất mạnh mẽ và thông tin bị lạc hậu nhanh chóng. Việc khai thác và sử dụng thông tin của sinh viên vì thế trở nên khó khăn hơn bởi nhiều rào cản. Sinh viên có thể rất nhanh chóng tìm thấy thông tin thường thức nhưng để tìm kiếm thông tin tri thức, từ đó có thể đưa ra khảo cứu, đánh giá và phê bình, có thể tạo nên những nhận thức riêng cho người học thì rất khó. Sinh viên cũng thường xuyên gặp những rào cản gây cản trở quá trình tiếp cận thông tin như ngôn ngữ, phương tiện tìm kiếm, các kỹ năng đánh giá, phân tích, rào cản do nhiễu thông tin, do tính lỗi thời và lạc hậu của thông tin. Để có thể giúp người dùng tin khai thác và sử dụng thông tin có hiệu quả, các thư viện cần quản trị và khai thác các nguồn lực thông tin trong đó không thể không kể đến nguồn lực nội sinh của trường đại học và cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành. Nguồn lực thông tin và đặc biệt là nguồn lực nội sinh của các thư viện đại học được xây dựng và thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và thể hiện năng lực của các thư viện. Để có thể xóa bỏ những rào cản trong quá trình tiếp cận thông tin của sinh viên cũng như xóa nhòa đi khoảng cách giữa nguồn tin và nhu cầu thông tin, thư viện cần thay đổi cách thức quản trị và khai thác các nguồn lực theo hướng đưa chức năng của thư viện tập trung vào việc chọn lọc, đánh giá, tinh chế và bao gói đồng thời là nơi kiến tạo, kích thích sự hình thành nhu cầu tin, cung cấp thông tin mang tính định hướng cá nhân và phù hợp với mỗi người sử dụng.

### **3.4. Đào tạo kiến thức thông tin cho người sử dụng**

Như đã đề cập, quá trình học tập ở bậc đại học theo học chế tín chỉ hiện nay đặt ra những cơ hội và thách thức cho chính bản thân sinh viên. Thư viện với tư cách là thiết chế và là nhân tố quan trọng trong quá trình đào tạo cần trở thành nơi đào tạo kiến thức thông tin cho người sử dụng thư viện. Những mảng kiến thức và kỹ năng thông tin mà sinh viên cần có trong xã hội thông tin bao gồm nhiều thành phần như: định hướng và hướng dẫn tra cứu, sử dụng nguồn tin và các phương tiện truyền thông điện tử, kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy phản biện, kỹ năng sử dụng thông tin trong giải quyết vấn đề, các vấn đề liên quan đến bản quyền, tổ chức thông tin ở quy mô cá nhân... Những kiến thức và kỹ năng này có thể giúp sinh viên tự quản trị và khai thác linh hoạt những thông tin mà mình có, trên cơ sở đó có thể tiếp cận với xu hướng của xã hội thông tin. Việc đào tạo kiến thức thông tin cho người dùng tin không cần quá cứng nhắc, mô phạm mà cần làm cho quá trình đào tạo ấy trở nên tự nhiên, mang tính lựa chọn và phù hợp với trình độ của người sử dụng.

### **3.5. Chuẩn hóa quy trình hoạt động, gia tăng liên kết và hội nhập quốc tế**

Chuẩn hóa quy trình hoạt động, gia tăng liên kết và hội nhập quốc tế của các thư viện đại học hiện nay đang là một chủ đề rất được quan tâm trong các hội thảo chuyên ngành. Có thể nhận thấy 3 xu hướng này là những những xu hướng phát triển tất yếu của thư viện trong tương lai. Việc chuẩn hóa các quy trình làm gia tăng tính liên thông giữa các thư viện giúp các thư viện không lãng phí tài nguyên và nguồn lực thông tin, đáp ứng nhu cầu chia sẻ thông tin giữa các thư viện đào tạo cùng nhóm ngành nghề. Trên cơ sở của chuẩn hóa các quy trình hoạt động, các thư viện trong cùng hệ thống thư viện đại học tăng cường liên kết và từng bước hướng tới hội nhập quốc tế, đưa các thư viện trở thành không gian sáng tạo không

ngừng nghỉ và truyền cảm hứng sáng tạo cho người dùng - sinh viên.

### **Kết luận**

Có thể nói rằng, trường đại học sẽ không thể làm tốt nhiệm vụ đào tạo của mình nếu không có sự đóng góp tích cực của thư viện nhất là trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học. Bởi đào tạo theo tín chỉ là phương thức đòi hỏi sinh viên phải phát huy tối đa khả năng tự học, tự tìm hiểu trên cơ sở hướng dẫn của giảng viên, chủ động tìm hiểu kiến thức qua các nguồn thông tin khác nhau để giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra trên lớp cũng như mở rộng hơn vốn kiến thức của mình. Nếu nguồn học liệu thiếu hay yếu thì vai trò trung tâm của người học sẽ không thể phát huy được.

Chính vì vậy, phát huy được vai trò của thư viện cũng đồng nghĩa với việc chất lượng dạy - học của giảng viên và sinh viên trong nhà trường sẽ được nâng cao hơn. Tuy nhiên, để làm được điều đó một cách toàn diện, đòi hỏi cần có sự nhận thức và hành động tích cực từ các bên liên quan như: các cấp lãnh đạo, các nhà quản lý, cán bộ thư viện, giảng viên và sinh viên... Có như vậy, thư viện mới thực sự trở thành "giảng đường thứ hai", là "địa chỉ quen thuộc" của giảng viên và sinh viên trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ.

Đ.T.Q & P.T.P.L

(ThS., Khoa Thông tin, Thư viện,  
Trường ĐHVHN)

### **Tài liệu tham khảo**

1. Trần Thanh Ái (2010), *Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: các nguyên lý, thực trạng và giải pháp*, in trong kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc "Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo tín chỉ", Đại học Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, tr. 42-53.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Quyết định số 31/2001/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2001 về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 4/3/2014 Quyết định ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học*.

5. Lê Văn Hào (2011), *Những khác biệt căn bản giữa đào tạo theo niên chế và đào tạo theo tín chỉ*, in trong kỷ yếu Hội nghị khoa học "Đổi mới công tác giảng dạy theo hệ thống tín chỉ", Đại học Nha Trang.

6. Lê Ngọc Oánh (2018), *Vai trò của thư viện đại học*, <http://www.glib.hcmuns.edu.vn/clb/bantin/vaitro.htm>

7. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*.

8. Hoàng Văn Vân (2018), *Phương pháp đào tạo theo tín chỉ: lịch sử, bản chất và những hàm ý cho phương pháp giảng dạy - học ở bậc đại học*, <http://dt.ussh.edu.vn/tai-lieu-tham-khao/phuong-thuc-dao-tao-theo-tin-chi-lich-su-ban-chat-va-nhung-ham-y-cho-phuong-phap-day-hoc-o-bac-dai-hoc>

Ngày nhận bài: 6 - 2 - 2019

Ngày phản biện, đánh giá: 15 - 3 - 2019

Ngày chấp nhận đăng: 20 - 3 - 2019



